

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 01-2021
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Quỳ

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị H1ền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lương Vũ L, sinh năm 1994; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21 tháng 12 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân H1ện K, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lương Vũ L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 7 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống tại thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sau đó anh L vi phạm pháp luật và bị đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Q nên vợ chồng xa cách tình cảm và không còn yêu thương nhau. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị H và anh L không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Vũ L.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 01 con chung là Lương Gia H1 sinh ngày 31 tháng 01 năm 2016, hiện cháu H1 đang do chị H nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi cháu H1 vì cháu H1 ở với chị H đã ổn định và được chăm sóc tốt về mọi mặt. mặt khác anh L đang đi chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để chăm sóc cháu H1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H đề nghị thỏa thuận với anh L do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lương Vũ L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác nhưng do anh L hiện đang chấp hành án phạt tù nên đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, anh L đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện việc kết hôn, con chung và tài sản chung vợ chồng như chị H đã khai là đúng nhưng anh L không đồng ý ly hôn với chị H vì anh thấy cuộc sống vợ chồng vẫn ổn định bình thường và nếu trong trường hợp ly hôn thì đồng ý để chị H được nuôi con đến khi anh chấp hành xong án phạt tù.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lương Vũ L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh L. Về con chung, giao con là Lương Gia H1 cho chị H nuôi dưỡng; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H và anh L tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do chị H, anh L thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lương Vũ L đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Lương Vũ L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lương Vũ L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã gây xúc phạm nhau. Mặt khác anh Lương Vũ L có hành vi vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Q. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L phù hợp với lời khai của chị H. Anh L không đồng ý ly hôn với chị H và cho rằng cuộc sống vẫn bình thường, ổn định chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị H. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là Lương Gia H1 sinh ngày 31 tháng 01 năm 2016, trường hợp ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay, chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, cháu vẫn được chăm sóc ổn định về mọi mặt và anh L đang đi chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để chăm sóc cháu H1. Như vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao cháu H1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị H đề nghị để tự thỏa thuận với anh L nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh L khai vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lương Vũ L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lương Gia H1 sinh ngày 31 tháng 01 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lương Gia H1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Lương Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0009027 ngày 31/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lương Vũ L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã M, huyện K ;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang